



TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN  
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 53/ĐNB-HĐQT  
V/v: CBTT Báo cáo tài chính  
giữa niên độ đã được soát xét

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2022.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ kính gửi Quý cơ quan thông tin sau:

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 028.35 111 999 Fax: 028. 35 111 666.
5. Người thực hiện công bố thông tin:  
Ông Lê Đức Thuận - Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được lập ngày 10/08/2022 bao gồm:
  - Báo cáo của Ban Giám đốc.
  - Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ.
  - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.
  - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ.
  - Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.
7. **Nội dung giải trình:**

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ xin giải trình chênh lệch số liệu trên BCTC bán niên năm 2022 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm tăng 41% so với cùng kỳ năm 2021.

Nguyên nhân: Theo kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2022, giá bán các mặt hàng phân bón tăng so với cùng kỳ năm 2021 do đó biên lợi nhuận gộp của một số mặt hàng phân bón chính của Công ty tăng so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận gộp lũy kế 06 tháng đầu năm tăng 33% so với cùng kỳ.



8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty: <http://www.pse.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, GD, BKS (để b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
GIAM ĐỐC**



**Lê Đức Thuận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
ĐÔNG NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 20



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

112500  
CÔNG TY  
TINH  
M TOÁN  
LOIT  
ỆT NA  
ĐA - TR

N: 0305918  
CÔNG  
CỔ PH  
IÂN BÓN VÀ H  
DẦU KH  
ĐÔNG NAM  
THÀNH - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 0289 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Hoàng Lan Hương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2022  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>333.930.391.984</b>	<b>303.610.040.422</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>68.399.799.092</b>	<b>66.847.472.426</b>
1. Tiền	111		68.399.799.092	66.847.472.426
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>172.113.094.339</b>	<b>47.034.221.289</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	110.492.161.461	14.003.411.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	60.897.792.878	32.430.809.555
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		723.140.000	600.000.000
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>92.944.169.175</b>	<b>189.606.028.542</b>
1. Hàng tồn kho	141		92.944.169.175	189.606.028.542
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>473.329.378</b>	<b>122.318.165</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	473.329.378	122.318.165
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.536.103.830</b>	<b>20.755.559.879</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.000.000</b>	
1. Phải thu dài hạn khác	216		150.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.401.358.532</b>	<b>19.152.535.500</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.542.374.597	3.079.147.405
- Nguyên giá	222		36.268.934.043	36.102.834.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.726.559.446)	(33.023.686.638)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.858.983.935	16.073.388.095
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.348.843.065)	(4.134.438.905)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>984.745.298</b>	<b>1.603.024.379</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	984.745.298	1.603.024.379
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>353.466.495.814</b>	<b>324.365.600.301</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141.770.733.411</b>	<b>134.842.144.868</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>141.027.676.911</b>	<b>134.842.144.868</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	77.752.341.725	73.929.875.497
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	16.066.609.677	34.782.610.365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.821.927.904	7.437.237.014
4. Phải trả người lao động	314		6.008.321.542	7.096.609.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	22.626.993.679	181.236.113
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.253.418.996	2.742.529.307
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.498.063.388	8.672.046.646
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>743.056.500</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	743.056.500	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>211.695.762.403</b>	<b>189.523.455.433</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>211.695.762.403</b>	<b>189.523.455.433</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.908.633.089	48.736.326.119
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.736.326.119	5.386.667.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		22.172.306.970	43.349.658.600
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>353.466.495.814</b>	<b>324.365.600.301</b>

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.150.614.686.213	1.176.599.336.452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	22.407.923.770	17.114.030.841
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.128.206.762.443	1.159.485.305.611
4. Giá vốn hàng bán	11	20	2.066.680.223.639	1.113.093.056.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.526.538.804	46.392.248.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		155.708.185	136.345.973
7. Chi phí tài chính	22		521.676.822	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		521.676.822	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	16.635.073.193	16.053.486.595
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	10.120.066.626	10.363.416.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+25+26))	30		34.405.430.348	20.111.691.801
11. Thu nhập khác	31	23	330.057.000	4.616.694.098
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		330.057.000	4.616.694.098
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.735.487.348	24.728.385.899
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	7.020.103.636	5.115.977.292
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27.715.383.712	19.612.408.607
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.774	1.255



Trần Hữu Long  
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.735.487.348	24.728.385.899
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	917.276.968	1.668.996.200
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	(136.345.973)
Chi phí lãi vay	06	521.676.822	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.174.441.138	26.261.036.126
Thay đổi các khoản phải thu	09	(125.228.873.050)	(101.229.290.527)
Thay đổi hàng tồn kho	10	96.661.859.367	38.825.909.151
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.304.474.787	126.293.680.724
Thay đổi chi phí trả trước	12	267.267.868	366.500.014
Tiền lãi vay đã trả	14	(521.676.822)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.197.856.622)	(3.797.767.717)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.717.060.000)	(586.426.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.742.576.666</b>	<b>86.133.641.105</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(166.100.000)	(108.900.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	40.133.864
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(166.100.000)</b>	<b>(68.766.136)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.150.000)	(2.726.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.150.000)</b>	<b>(2.726.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.552.326.666</b>	<b>86.062.148.469</b>
Tiền đầu kỳ	60	66.847.472.426	52.780.643.800
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	68.399.799.092	138.842.792.269

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (“Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là “PSE”.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) nắm giữ 75% vốn điều lệ. Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty có văn phòng chính tại số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống các kho tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 63 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc và thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn, trong đó giá trị phần mềm máy tính và giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn; phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

#### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi sửa chữa, cải tạo văn phòng, biển hiệu đại lý và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu phản ánh số chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải phải chiết khấu thương mại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu thương mại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	86.043.350	22.904.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.313.755.742	66.824.567.430
	<b>68.399.799.092</b>	<b>66.847.472.426</b>

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	38.626.750.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Minh Khoa	27.372.749.385	3.735.518.985
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	15.638.414.795	-
Công ty TNHH Như Linh	9.235.796.988	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.168.738.598	3.882.497.136
Công ty TNHH SXTM DV XNK Tân Trí Phát	3.381.800.000	1.561.558.025
Công ty TNHH Đăng Việt Phụng	1.267.600.000	1.764.968.100
Công ty TNHH Hoàn Thiện	-	975.140.150
Các khách hàng khác	9.800.311.695	2.083.729.338
	<b>110.492.161.461</b>	<b>14.003.411.734</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<b>5.439.602.588</b>	<b>3.951.784.086</b>

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	59.699.941.828	31.514.709.555
Các khách hàng khác	1.197.851.050	916.100.000
	<b>60.897.792.878</b>	<b>32.430.809.555</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>59.699.941.828</b>	<b>31.514.709.555</b>



7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	330.057.000	-	880.000.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.212.000	-	-	-
Hàng hoá	92.601.900.175	-	188.726.028.542	-
	<b>92.944.169.175</b>	<b>-</b>	<b>189.606.028.542</b>	<b>-</b>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	66.280.795	2.318.165
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	407.048.583	120.000.000
	<b>473.329.378</b>	<b>122.318.165</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	394.976.838	566.903.082
- Chi phí biển hiệu đại lý	305.790.190	589.010.147
- Chi phí trả trước dài hạn khác	283.978.270	447.111.150
	<b>984.745.298</b>	<b>1.603.024.379</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	28.200.720.133	128.128.000	5.732.107.310	2.041.878.600	36.102.834.043
Tăng trong kỳ	-	-	-	166.100.000	166.100.000
Số dư cuối kỳ	<b>28.200.720.133</b>	<b>128.128.000</b>	<b>5.732.107.310</b>	<b>2.207.978.600</b>	<b>36.268.934.043</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	25.971.372.291	128.128.000	5.076.733.921	1.847.452.426	33.023.686.638
Khấu hao trong kỳ	569.634.108	-	88.613.862	44.624.838	702.872.808
Số dư cuối kỳ	<b>26.541.006.399</b>	<b>128.128.000</b>	<b>5.165.347.783</b>	<b>1.892.077.264</b>	<b>33.726.559.446</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	<b>2.229.347.842</b>	<b>-</b>	<b>655.373.389</b>	<b>194.426.174</b>	<b>3.079.147.405</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.659.713.734</b>	<b>-</b>	<b>566.759.527</b>	<b>315.901.336</b>	<b>2.542.374.597</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 23.251.116.827 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 23.170.255.827 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
Số dư cuối kỳ	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.079.188.905	55.250.000	4.134.438.905
Khấu hao trong kỳ	214.404.160	-	214.404.160
Số dư cuối kỳ	4.293.593.065	55.250.000	4.348.843.065
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	16.073.388.095	-	16.073.388.095
Tại ngày cuối kỳ	15.858.983.935	-	15.858.983.935

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 55.250.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 55.250.000 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Số đầu kỳ VND Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75.436.840.000	69.417.743.430
Các nhà cung cấp khác	2.315.501.725	4.512.132.067
	<b>77.752.341.725</b>	<b>73.929.875.497</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>75.485.872.000</b>	<b>69.469.993.430</b>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	6.285.120.000	6.415.272.954
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	3.369.981.229	18.124.074.799
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	2.593.346.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hoàn Thiện	2.312.060.000	3.480.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	-	3.026.479.590
Các khách hàng khác	1.506.102.448	3.736.783.022
	<b>16.066.609.677</b>	<b>34.782.610.365</b>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	96.042.322	228.987.073	214.327.876	110.701.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.860.973.974	7.020.103.636	11.197.856.622	2.683.220.988
Thuế thu nhập cá nhân	480.220.718	1.654.263.202	2.106.478.523	28.005.397
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>7.437.237.014</b>	<b>8.906.353.911</b>	<b>13.521.663.021</b>	<b>2.821.927.904</b>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	22.407.923.770	-
Khác	219.069.909	181.236.113
	<b>22.626.993.679</b>	<b>181.236.113</b>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền cổ tức phải trả	968.948.100	993.098.100
Phải trả, phải nộp khác	2.284.470.896	1.749.431.207
	<b>3.253.418.996</b>	<b>2.742.529.307</b>
<b>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>1.350.000.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	743.056.500	-
	<b>743.056.500</b>	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	125.000.000.000	15.787.129.314	14.136.667.519	154.923.796.833
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.612.408.607	19.612.408.607
Trích từ lợi nhuận	-	-	(3.922.481.722)	(3.922.481.722)
Số dư cuối kỳ trước	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>29.826.594.404</b>	<b>170.613.723.718</b>
Số dư đầu kỳ này	125.000.000.000	15.787.129.314	48.736.326.119	189.523.455.433
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.715.383.712	27.715.383.712
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(5.543.076.742)	(5.543.076.742)
Số dư cuối kỳ này	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>70.908.633.089</b>	<b>211.695.762.403</b>

- (i) Trong sáu tháng đầu năm 2022, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 với số tiền là 5.543.076.742 VND, tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Nghị quyết cũng đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 với số tiền là 31.250.000.000 VND (tương ứng 2.500 đồng/cổ phần) từ lợi nhuận năm 2021. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa thông báo ngày chốt quyền cũng như chưa thực hiện chi trả cổ tức.

#### **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>

#### **Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận</u>		<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>Đăng ký kinh doanh</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>125.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>125.000.000.000</u></b>	<b><u>125.000.000.000</u></b>

### **17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

#### **Tài sản thuê ngoài:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	3.600.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 3 năm	12.300.000.000	14.100.000.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng- Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 300.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2021 đến ngày 01 tháng 12 năm 2026.

#### **Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nhận giữ hộ phân bón là hàng hóa các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần và các đại lý với số lượng 12.611 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7.765 tấn).

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 19 và 20.

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu phân bón	2.138.815.159.000	1.172.384.494.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.799.527.213	4.214.842.452
	<b>2.150.614.686.213</b>	<b>1.176.599.336.452</b>
Chiết khấu thương mại	22.407.923.770	17.114.030.841
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.128.206.762.443</b>	<b>1.159.485.305.611</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>7.360.490.092</b>	<b>27.312.890.652</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn phân bón	2.055.722.754.037	1.109.242.417.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.957.469.602	3.850.639.327
	<b>2.066.680.223.639</b>	<b>1.113.093.056.827</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	625.056.418	507.366.705
Chi phí nhân công	14.618.895.878	15.418.317.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	917.276.968	1.668.996.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.455.071.798	10.374.889.154
Chi phí khác bằng tiền	2.602.932.459	2.299.245.231
	<b>40.219.233.521</b>	<b>30.268.815.093</b>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	8.693.368.996	8.771.667.971
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	535.950.113	507.366.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	718.758.981	1.481.152.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.649.370.453	3.517.007.717
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.037.624.650	1.776.291.747
	<b>16.635.073.193</b>	<b>16.053.486.595</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.815.775.783	5.938.470.136
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.106.305	75.908.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.517.987	187.843.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.451.358.742	3.635.240.014
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	565.307.809	525.953.484
	<b>10.120.066.626</b>	<b>10.363.416.361</b>

23. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng được biếu tặng	330.057.000	1.821.523.200
Khác	-	2.795.170.898
	<b>330.057.000</b>	<b>4.616.694.098</b>
<b>Thu nhập khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>330.057.000</b>	<b>1.821.523.200</b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.020.103.636	5.015.513.292
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	100.464.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.020.103.636</b>	<b>5.115.977.292</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>34.735.487.348</b>	<b>24.728.385.899</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>365.030.834</b>	<b>349.180.559</b>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>365.030.834</i>	<i>349.180.559</i>
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	35.100.518.182	25.077.566.458
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>7.020.103.636</b>	<b>5.015.513.292</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>27.715.383.712</b>	<b>19.612.408.607</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(5.543.076.742)	(3.922.481.722)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>22.172.306.970</b>	<b>15.689.926.885</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.774</b>	<b>1.255</b>

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - CN Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Các đơn vị là các công ty con, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*


	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>7.360.490.092</b>	<b>27.312.890.652</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.113.651.212	5.895.865.652
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - CN Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	246.838.880	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	12.541.725.000
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	8.875.300.000
<b>Mua hàng</b>	<b>1.730.328.911.851</b>	<b>1.055.847.547.975</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.729.212.945.727	1.045.389.412.975
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	737.828.124	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	298.138.000	225.060.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	80.000.000	1.572.500.000
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	8.660.575.000
<b>Nhận hàng biếu tặng</b>	<b>330.057.000</b>	<b>1.821.523.200</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	330.057.000	1.821.523.200

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>5.439.602.588</b>	<b>3.951.784.086</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.168.738.598	3.882.497.136
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - CN Kinh doanh Hóa chất Dầu khí Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	270.863.990	-
	-	69.286.950
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>59.699.941.828</b>	<b>31.514.709.555</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	59.699.941.828	31.514.709.555
<b>Phải trả người bán</b>	<b>75.485.872.000</b>	<b>69.469.993.430</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75.436.840.000	69.417.743.430
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	49.032.000	52.250.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>1.350.000.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.350.000.000	1.350.000.000


Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạm Hùng - Chủ tịch HĐQT	298.440.510	252.294.000
Lê Đức Thuận - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	298.440.510	252.294.000
Nguyễn Tiến Sỹ - Phó Giám đốc	276.374.175	241.221.400
Trịnh Văn Chương - Phó Giám đốc	239.058.505	234.556.080
Nguyễn Quang Tuấn - Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Đặng Hữu Thắng - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Lê Quang Thành - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
	<b>1.136.313.700</b>	<b>1.028.365.480</b>

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng



  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022